

Số: /QĐ-UBND

Hà Tĩnh, ngày tháng năm 2023

## QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố Danh mục và Quy trình nội bộ thủ tục hành chính mới ban hành, bãi bỏ thuộc thẩm quyền quản lý của ngành Lao động - Thương binh và Xã hội áp dụng trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh

### CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HÀ TĨNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07/8/2017 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31/10/2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn về nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 01/2018/TT-VPCP ngày 23/11/2018 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn thi hành một số quy định của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;

Theo đề nghị của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tại Văn bản số 09/SLĐT BXH-NCC ngày 24/02/2023 và ý kiến thẩm định quy trình nội bộ thủ tục hành chính của Sở Khoa học và Công nghệ tại Văn bản số 194/SKH CN-TĐC ngày 21/02/2023.

### QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Công bố kèm theo Quyết định này Danh mục và Quy trình nội bộ 32 (ba mươi hai) thủ tục hành chính mới ban hành (bao gồm: 14 thủ tục hành chính cấp tỉnh, 01 thủ tục hành chính cấp huyện, 01 thủ tục hành chính cấp xã và 16 thủ tục hành chính liên thông) và 28 (hai mươi tám) thủ tục hành chính bị bãi bỏ (bao gồm: 07 thủ tục hành chính cấp tỉnh, 02 thủ tục hành chính cấp huyện và 19 thủ tục hành chính liên thông) lĩnh vực Người có công thuộc thẩm quyền quản lý của ngành Lao động - Thương binh và Xã hội áp dụng trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh.

**Điều 2.** Giao Sở Lao động - Thương binh và Xã hội chủ trì, phối hợp với Văn phòng UBND tỉnh và các cơ quan, đơn vị liên quan căn cứ Quyết định này, trong thời hạn 05 ngày làm việc xây dựng quy trình điện tử giải quyết thủ tục hành chính trên Hệ thống thông tin Dịch vụ công trực tuyến để áp dụng theo quy định.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ban hành; bãi bỏ Danh mục và Quy trình nội bộ thủ tục hành chính có số thứ tự từ 01 đến 12, 14, 15, 18, 19, 21, 22 và 23 lĩnh vực Người có công tại Quyết định số 3747/QĐ-UBND ngày 22/11/2019; bãi bỏ Danh mục và Quy trình nội bộ thủ tục hành chính lĩnh vực Người có công tại Quyết định số 2605/QĐ-UBND ngày 05/8/2019 và Quyết định số 3310/QĐ-UBND ngày 07/10/2019 của UBND tỉnh.

**Điều 4.** Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở; Thủ trưởng các ban, ngành cấp tỉnh; Giám đốc: Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, Trung tâm Công báo - Tin học tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện, thành phố, thị xã; Chủ tịch UBND các xã, phường, thị trấn và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

***Nơi nhận:***

- Như Điều 4;
- Cục Kiểm soát TTHC, VPCP;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Các PCVP UBND tỉnh;
- Trung tâm PVHCC tỉnh;
- Trung tâm CB-TH tỉnh;
- Lưu: VT, NC<sub>2</sub>.

**KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**

**Lê Ngọc Châu**

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH HÀ TĨNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**DANH MỤC VÀ QUY TRÌNH NỘI BỘ THỦ TỤC HÀNH CHÍNH MỚI BAN HÀNH, BÃI BỎ THUỘC THẨM QUYỀN QUẢN LÝ CỦA NGÀNH LAO ĐỘNG - THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI TỈNH HÀ TĨNH**

(Ban hành kèm theo Quyết định số:           /QĐ-UBND ngày     /     /2023 của Chủ tịch UBND tỉnh Hà Tĩnh)

**PHẦN I. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH (LĨNH VỰC NGƯỜI CÓ CÔNG)**

**I. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH MỚI BAN HÀNH**

TT	Tên thủ tục hành chính	Ký hiệu quy trình	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
<b>I</b>	<b>Danh mục thủ tục hành chính cấp tỉnh (14 TTHC)</b>					
1	Giải quyết chế độ trợ cấp ưu đãi đối với thân nhân liệt sỹ	QT.NCC.01	- 20 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ. - Trường hợp thân nhân là con từ đủ 18 tuổi trở lên bị khuyết tật nặng, khuyết tật đặc biệt nặng trước khi đủ 18 tuổi hoặc Thân nhân là con từ đủ 18 tuổi trở lên bị khuyết tật nặng, khuyết tật đặc biệt nặng sau khi đủ 18 tuổi mà không có thu nhập hằng tháng hoặc có thu nhập hằng tháng thấp hơn 0,6 lần mức chuẩn: 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Hà Tĩnh (Số 02A, Nguyễn Chí Thanh, TP Hà Tĩnh, tỉnh Hà Tĩnh).	Không	- Pháp lệnh Ưu đãi người có công với cách mạng năm 2020; - Nghị định số 131/2021/NĐ-CP ngày 30/12/2021 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành Pháp lệnh ưu đãi Người có công với cách mạng; - Quyết định số 108/QĐ-LĐTBXH ngày 15/02/2022 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội

			(không kể thời gian giải quyết của Hội đồng giám định Y khoa). - Trường hợp thân nhân liệt sĩ đã được hưởng chế độ ưu đãi nhưng chưa được cấp giấy chứng nhận thân nhân liệt sĩ: 12 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.			về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành, thủ tục hành chính bãi bỏ về lĩnh vực người có công thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.
2	Giải quyết chế độ ưu đãi đối với vợ hoặc chồng liệt sĩ lấy chồng hoặc vợ khác	QT.NCC.02	* Trường hợp Sở Lao động - Thương binh và Xã hội nơi thường trú của cá nhân đồng thời là Sở Lao động - Thương binh và Xã hội nơi quản lý hồ sơ gốc liệt sĩ: 12 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ. * Trường hợp Sở Lao động - Thương binh và Xã hội nơi thường trú của cá nhân không phải là Sở Lao động - Thương binh và Xã hội nơi quản lý hồ sơ gốc liệt sĩ: 17 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Như trên	Không	Như trên
3	Công nhận thương binh, người hưởng chính sách như thương binh	QT.NCC.03	84 ngày, kể từ ngày Sở Lao động - Thương binh Xã hội nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Như trên	Không	Như trên

4	Khám giám định lại tỷ lệ tổn thương cơ thể đối với trường hợp còn sót vết thương, còn sót mảnh kim khí hoặc có tỷ lệ tổn thương cơ thể tạm thời hoặc khám giám định bổ sung vết thương và điều chỉnh chế độ đối với trường hợp không tại ngũ, công tác trong quân đội, công an	QT.NCC.04	84 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Như trên	Không	Như trên
5	Giải quyết hưởng thêm một chế độ trợ cấp đối với thương binh đồng thời là bệnh binh	QT.NCC.05	12 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ. (Trường hợp hồ sơ thương binh được công nhận từ ngày 31/12/1994 trở về trước không còn giấy tờ thể hiện tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tật hoặc thất lạc thì thời hạn giải quyết trên chưa bao gồm thời hạn giải quyết tại cơ quan cấp Bản trích lục hồ sơ).	Như trên	Không	Như trên
6	Giải quyết chế độ đối với thương binh đang hưởng chế độ mất sức lao động	QT.NCC.06	- Trường hợp hồ sơ thương binh đang hưởng chế độ mất sức lao động lưu tại Sở Lao động - Thương binh và Xã	Như trên	Không	Như trên

			<p>hội: 12 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.</p> <p>- Trường hợp hồ sơ thương binh đang hưởng chế độ mất sức lao động mà không có hồ sơ lưu ở Sở Lao động - Thương binh và Xã hội hoặc hồ sơ lưu không còn giấy tờ thể hiện tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tật: 29 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.</p> <p>(trường hợp bản sao hồ sơ hưởng chế độ mất sức lao động không thể hiện rõ tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tật thì thời gian giải quyết trên chưa tính thời gian giải quyết tại Tổng cục Chính trị quân đội nhân dân Việt Nam/Bộ Công An).</p>			
7	Đưa người có công đối với trường hợp đang được nuôi dưỡng tại cơ sở nuôi dưỡng, điều dưỡng người có công do tình quản lý về nuôi dưỡng tại gia đình	QT.NCC.07	10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm Điều dưỡng NCC&BTXH	Không	Như trên
8	Giải quyết phụ cấp đặc biệt hằng tháng đối với thương binh	QT.NCC.08	12 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Không	Như trên

	có tỷ lệ tổn thương cơ thể từ 81% trở lên, bệnh binh có tỷ lệ tổn thương cơ thể từ 81% trở lên			Hà Tĩnh (Số 02A, Nguyễn Chí Thanh, TP Hà Tĩnh, tỉnh Hà Tĩnh).		
9	Hưởng lại chế độ ưu đãi	QT.NCC.09	12 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Như trên	Không	Như trên
10	Sửa đổi, bổ sung thông tin cá nhân trong hồ sơ người có công	QT.NCC.10	12 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ (không tính thời gian giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền).	Như trên	Không	Như trên
11	Di chuyển hồ sơ khi người hưởng trợ cấp ưu đãi thay đổi nơi thường trú	QT.NCC.11	12 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Như trên	Không	Như trên
12	Cấp trích lục hoặc sao hồ sơ người có công với cách mạng	QT.NCC.12	12 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Như trên	Không	Như trên
13	Di chuyển hài cốt liệt sĩ đang an táng tại nghĩa trang liệt sĩ đi nơi khác theo nguyện vọng của đại diện thân nhân hoặc người hưởng trợ cấp thờ cúng liệt sĩ	QT.NCC.13	10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Như trên	Không	Như trên
14	Di chuyển hài cốt liệt sĩ đang an táng ngoài nghĩa trang liệt sĩ về an táng tại nghĩa trang	QT.NCC.14	09 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Như trên	Không	Như trên

	liệt sĩ theo nguyện vọng của đại diện thân nhân hoặc người hưởng trợ cấp thờ cúng liệt sĩ					
<b>II</b>	<b>Danh mục thủ tục hành chính cấp huyện (01 TTHC)</b>					
1	Thăm viếng mộ liệt sĩ	QT.NCC.H.01	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Thời hạn cấp Giấy giới thiệu: 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.</li> <li>- Thời hạn thực hiện chi hỗ trợ thăm viếng mộ liệt sĩ: 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được giấy giới thiệu có xác nhận của UBND cấp xã nơi thăm viếng mộ hoặc thuộc địa phương nơi liệt sĩ hy sinh.</li> </ul>	Trung tâm hành chính cấp huyện	Không	Như trên
<b>III</b>	<b>Danh mục thủ tục hành chính cấp xã (01 TTHC)</b>					
1	Cấp giấy xác nhận thân nhân của người có công	QT.NCC.X.01	05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả UBND cấp xã	Không	Như trên
<b>IV</b>	<b>Danh mục thủ tục hành chính liên thông (16 TTHC)</b>					
1	Giải quyết chế độ trợ cấp thờ cúng liệt sĩ	QT.NCC.LT.01	24 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả UBND cấp xã	Không	Như trên
2	Giải quyết chế độ ưu đãi đối với trường hợp tặng hoặc truy	QT.NCC.LT.02	24 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Như trên	Không	Như trên



	tặng danh hiệu vinh dự nhà nước “Bà mẹ Việt Nam anh hùng”					
3	Giải quyết chế độ ưu đãi đối với Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân, Anh hùng lao động trong thời kỳ kháng chiến hiện không công tác trong quân đội, công an	QT.NCC.LT.03	24 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Như trên	Không	Như trên
4	Công nhận đối với người bị thương trong chiến tranh không thuộc quân đội, công an	QT.NCC.LT.04	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Trường hợp người bị thương thường trú tại địa phương nơi bị thương, do UBND huyện cấp Giấy chứng nhận bị thương: 201 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ (không tính thời gian giải quyết tại UBND tỉnh và Bộ Lao động - Thương Binh và Xã hội).</li> <li>- Trường hợp người bị thương trước khi bị thương thường trú tại địa phương khác, do UBND huyện cấp Giấy chứng nhận bị thương: 207 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ (không tính thời gian giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền)</li> <li>- Trường hợp người bị</li> </ul>	Như trên	Không	Như trên

			thương trước khi bị thương thường trú tại địa phương khác, không do UBND huyện cấp Giấy chứng nhận bị thương: 207 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ (không tính thời gian giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền).			
5	Lập sổ theo dõi, cấp phương tiện trợ giúp, dụng cụ chỉnh hình, phương tiện, thiết bị phục hồi chức năng đối với trường hợp đang sống tại gia đình hoặc đang được nuôi dưỡng tập trung tại các cơ sở nuôi dưỡng, điều dưỡng do địa phương quản lý	QT.NCC.LT.05	37 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm Hành chính công cấp huyện/Cơ sở nuôi dưỡng, điều dưỡng	Không	Như trên
6	Tiếp nhận người có công vào cơ sở nuôi dưỡng, điều dưỡng người có công do tỉnh quản lý	QT.NCC.LT.06	17 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả UBND cấp xã	Không	Như trên
7	Cấp bổ sung hoặc cấp lại giấy chứng nhận người có công do ngành Lao động - Thương binh và Xã hội quản lý và giấy	QT.NCC.LT.07	17 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Như trên		Như trên

	chứng nhận thân nhân liệt sĩ					
8	Công nhận và giải quyết chế độ ưu đãi người hoạt động cách mạng	QT.NCC.LT.08	37 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Như trên	Không	Như trên
9	Công nhận và giải quyết chế độ ưu đãi người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học	QT.NCC.LT.09	- Trường hợp người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học: 96 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ. - Trường hợp người hoạt động kháng chiến có con đẻ bị dị dạng, dị tật đã được hưởng chế độ ưu đãi mà bố (mẹ) chưa được hưởng: 89 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ. - Trường hợp có vợ hoặc có chồng nhưng không có con đẻ: 31 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Như trên	Không	Như trên
10	Công nhận và giải quyết chế độ con đẻ của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học	QT.NCC.LT.10	96 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Như trên	Không	Như trên
11	Công nhận và giải quyết chế độ người hoạt động cách mạng, kháng chiến,	QT.NCC.LT.11	24 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Như trên	Không	Như trên

	bảo vệ tổ quốc, làm nghĩa vụ quốc tế bị địch bắt tù, đày					
12	Giải quyết chế độ người hoạt động kháng chiến giải phóng dân tộc, bảo vệ tổ quốc và làm nghĩa vụ quốc tế	QT.NCC.LT.12	24 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Như trên	Không	Như trên
13	Giải quyết chế độ người có công giúp đỡ cách mạng	QT.NCC.LT.13	24 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Như trên	Không	Như trên
14	Giải quyết chế độ hỗ trợ để theo học đến trình độ đại học tại các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân	QT.NCC.LT.14	- Trường hợp hồ sơ người có công đang do quân đội, công an quản lý: 24 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ. - Trường hợp hồ sơ người có công không do quân đội, công an quản lý: 15 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Cơ quan, đơn vị quản lý người có công thuộc Bộ Quốc phòng, Bộ Công an hoặc Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả UBND cấp xã.	Không	Như trên
15	Hưởng trợ cấp khi người có công đang hưởng trợ cấp ưu đãi từ trần	QT.NCC.LT.15	- Đối với trợ cấp một lần và mai táng: 24 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ. - Đối với trợ cấp tuất hằng tháng, trợ cấp tuất nuôi dưỡng hằng tháng: 31 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả UBND cấp xã.	Không	Như trên

			Trường hợp con từ đủ 18 tuổi trở lên bị khuyết tật nặng, khuyết tật đặc biệt nặng: 43 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ (không tính thời gian giải quyết tại Hội đồng giám định Y khoa).			
16	Bổ sung tình hình thân nhân trong hồ sơ liệt sĩ	QT.NCC.LT.16	24 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Như trên	Không	Như trên

## II. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH BÃI BỎ (LĨNH VỰC NGƯỜI CÓ CÔNG)

TT	Tên thủ tục hành chính	Ký hiệu quy trình	Tên VBQPPL quy định việc bãi bỏ thủ tục hành chính
<b>I</b>	<b>Danh mục thủ tục hành chính cấp tỉnh (07 TTHC)</b>		
1	Giải quyết chế độ đối với thương binh đồng thời là người hưởng chế độ mất sức lao động	QT.NCC.01	- Nghị định số 131/2021/NĐ-CP ngày 30/12/2021 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành Pháp lệnh ưu đãi Người có công với cách mạng; - Quyết định số 108/QĐ-LĐTBXH ngày 15/02/2022 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành, thủ tục hành chính bãi bỏ về lĩnh vực người có công thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.
2	Hưởng lại chế độ ưu đãi đối với người có công hoặc thân nhân trong các trường hợp:	QT.NCC.02	Như trên

	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Bị tạm đình chỉ chế độ do bị kết án tù đã chấp hành xong hình phạt tù;</li> <li>- Bị tạm đình chỉ do xuất cảnh trái phép nay trở về nước cư trú;</li> <li>- Đã đi khỏi địa phương nhưng không làm thủ tục di chuyển hồ sơ nay quay lại đề nghị tiếp tục hưởng chế độ;</li> <li>- Bị tạm đình chỉ chế độ chờ xác minh của cơ quan điều tra.</li> </ul>		
3	Giải quyết chế độ trợ cấp đối với vợ hoặc chồng liệt sĩ đi lấy chồng hoặc vợ khác	QT.NCC.03	Như trên
4	Giải quyết chế độ đối với thương binh đồng thời là bệnh binh	QT.NCC.04	Như trên
5	Sửa đổi thông tin cá nhân trong hồ sơ người có công	QT.NCC.05	Như trên
6	Di chuyển hồ sơ người có công với cách mạng	QT.NCC.06	Như trên
7	Đính chính thông tin trên bia mộ liệt sĩ	QT.NCC.07	Như trên
<b>II</b>	<b>Danh mục thủ tục hành chính cấp huyện (02 TTHC)</b>		
1	Cấp giấy giới thiệu đi thăm viếng mộ liệt sĩ và hỗ trợ thăm viếng mộ liệt sĩ	QT.NCC.H.01	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nghị định số 131/2021/NĐ-CP ngày 30/12/2021 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành Pháp lệnh ưu đãi Người có công với cách mạng;</li> <li>- Quyết định số 108/QĐ-LĐTBXH ngày 15/02/2022 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành, thủ tục hành chính bãi bỏ về lĩnh vực người có công thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.</li> </ul>

2	Hỗ trợ người có công đi làm phương tiện, dụng cụ trợ giúp chỉnh hình; đi điều trị phục hồi chức năng	QT.NCC.H.02	Như trên
<b>III</b>	<b>Danh mục thủ tục hành chính liên thông (19 TTHC)</b>		
1	Hưởng mai táng phí, trợ cấp một lần khi người có công với cách mạng từ trần	QT.NCCLT.01	- Nghị định số 131/2021/NĐ-CP ngày 30/12/2021 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành Pháp lệnh ưu đãi Người có công với cách mạng; - Quyết định số 108/QĐ-LĐTBXH ngày 15/02/2022 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành, thủ tục hành chính bãi bỏ về lĩnh vực người có công thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.
2	Giải quyết trợ cấp tiền tuất hàng tháng cho thân nhân khi người có công với cách mạng từ trần	QT.NCCLT.02	Như trên
3	Giải quyết chế độ ưu đãi đối với thân nhân liệt sĩ	QT.NCCLT.03	Như trên
4	Giải quyết chế độ đối với Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân, Anh hùng lao động trong thời kỳ kháng chiến	QT.NCCLT.04	Như trên
5	Giải quyết chế độ đối với thương binh, người hưởng chính sách như thương binh	QT.NCCLT.05	Như trên
6	Giám định vết thương còn sót	QT.NCCLT.06	Như trên
7	Giải quyết hưởng chế độ ưu đãi người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học	QT.NCCLT.07	Như trên

8	Giải quyết hưởng chế độ ưu đãi đối với con đẻ người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học	QT.NCCLT.08	Như trên
9	Giải quyết chế độ người hoạt động cách mạng hoặc hoạt động kháng chiến bị địch bắt tù, đày	QT.NCCLT.09	Như trên
10	Giải quyết chế độ người HDKC giải phóng dân tộc, bảo vệ tổ quốc và làm nghĩa vụ quốc tế	QT.NCCLT.10	Như trên
11	Giải quyết chế độ người có công giúp đỡ cách mạng	QT.NCCLT.11	Như trên
12	Giải quyết chế độ trợ cấp thờ cúng liệt sĩ	QT.NCCLT.12	Như trên
13	Giải quyết chế độ ưu đãi đối với Bà mẹ Việt Nam anh hùng	QT.NCCLT.14	Như trên
14	Giám định lại thương tật do vết thương cũ tái phát và điều chỉnh chế độ	QT.NCCLT.15	Như trên
15	Xác nhận thương binh, người hưởng chính sách như thương binh đối với người bị thương không thuộc lực lượng công an, quân đội trong chiến tranh từ ngày 31/12/1991 trở về trước không còn giấy tờ	QT.NCCLT.18	Như trên
16	Bổ sung tình hình thân nhân trong hồ sơ liệt sĩ	QT.NCCLT.19	Như trên
17	Lập Sổ theo dõi và cấp phương tiện trợ giúp, dụng cụ chỉnh hình	QT.NCCLT.21	Như trên



18	Thực hiện chế độ ưu đãi trong giáo dục đào tạo đối với người có công với cách mạng và con của họ	QT.NCCLT.22	Như trên
19	Hỗ trợ, di chuyển hài cốt liệt sĩ	QT.NCCLT.23	Như trên